

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 58/2019/DS-PT

Ngày: 08 - 10 - 2019

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2019/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị H1 - Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Bị đơn: Ông Mai Văn H2 - Sinh năm 1971; Nơi cư trú: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn H3 - Sinh năm 1955; Nơi cư trú: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Bà Trần Thị C - Sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

3. Bà Mai Thị B - Sinh năm 1958; Nơi cư trú: Xóm 4, xã G, huyện G, tỉnh N.

4. Bà Mai Thị S - Sinh năm 1952; Nơi cư trú: Đội 9, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh T.

Người kháng cáo: Ông Mai Văn H2 - Sinh năm 1971; Nơi cư trú: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: có mặt bà H1, ông H2, bà B, ông H3 và bà C. Bà S có văn bản ủy quyền cho bà H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Mai Thị H1 trình bày:

Bố mẹ của bà là Mai Văn P và Lưu Thị N, hai cụ có 5 người con là: Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, ông Mai Văn H2 và bà. Hai cụ có nhà đất tại thửa số 362, tờ bản đồ số 8 lập năm 1997, với diện tích đất là 455m² tại xóm 3 xã G và đã được UBND huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang tên hộ ông Mai Văn P. Khi còn sống, bố mẹ bà đã cho ông H2 336m² đất, còn lại 119,7 m² (theo kết quả đo đạc thực tế) bố mẹ bà nói là cho 3 con gái là Mai Thị S, Mai Thị B, Mai Thị H1. Cụ N chết năm 2008, cụ P chết năm 2012, hai cụ chết không để lại di chúc. Phần đất 119,7 m² vẫn mang tên cụ P và do ông H2 quản lý. Bố mẹ bà sau khi chết không nợ nần gì ai nên các con không phải chịu nghĩa vụ gì. Nay, bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế 119,7 m² đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Bà có nguyện vọng nhận sở hữu, sử dụng khối di sản trên và thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác; vì di sản không thể chia bằng hiện vật. Tổng giá trị di sản theo định giá là 838.743.414 đồng, trong đó trị giá phần nhà trên đất của ông H2 là 219.068 đồng, chia thành 5 phần mỗi con được 1/5 giá trị di sản. Đối với phần diện tích nhà của bố mẹ nằm trên phần đất của vợ chồng ông H2, bà nhận trách nhiệm tháo dỡ.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2018 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông Mai Văn H2 trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của bà H1 về nguồn gốc đất, năm chết của bố mẹ và số anh chị em trong gia đình. Khi còn sống, ông đã được bố mẹ cho 336m² đất và hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mẹ ông mất, bố ông đã ngồi tính lại sổ báo hiệu cho mẹ ông và bàn về phần đất còn lại sẽ tính sau theo lời đối ngày 23/8/2007. Trên phần đất này, có ngôi nhà 3 gian (có một phần nằm trên phần diện tích đất bố mẹ ông đã cho ông) hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ P ông đang lưu giữ, hàng năm ông là người đóng các khoản lệ phí đất đối với nhà nước, nay ông không có yêu cầu gì đối với các khoản đóng góp này. Bố mẹ ông sau khi chết không nợ nần gì ai nên các con không phải chịu nghĩa vụ gì, di sản ông quản lý từ sau khi bố ông chết nhưng không tôn tạo sửa chữa gì và ông không yêu công đối với công sức quản lý di sản. Đối với phần diện tích nhà của bố mẹ nằm trên diện tích đất của vợ chồng ông, ông không đề nghị phá dỡ. Nay bà H1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 119,7 m² (theo kết quả đo đạc thực tế) và nhà trên thửa đất theo quy định của pháp luật, ông không đồng ý vì đây là đất để thờ cúng và không được chia.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà là vợ ông Mai Văn H2, bà đồng ý với ý kiến trình bày của ông H2, bà không yêu cầu gì đối với các khoản nghĩa vụ mà vợ chồng bà đã đóng góp thuế quỹ cho nhà nước đối với thửa đất đang tranh chấp, bà không nhất trí chia thừa kế, đối với phần nhà của bố mẹ nằm trên phần đất của vợ chồng ông bà, bà đề nghị giữ nguyên không tháo dỡ.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông Mai Văn H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông đồng ý với ý kiến trình bày của bà H1. Ông không biết việc bố ông để lại lời di chúc như thế nào và không công nhận nội dung đó. Ông đề nghị Tòa án để lại di sản của bố mẹ ông cho bà H1 sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất, và bà H1 sẽ thanh toán giá trị kỷ phần của ông bằng tiền, theo kết quả định giá ông được nhận là 1/5 trị giá di sản.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bà Mai Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà đồng ý với ý kiến trình bày của bà H1 và ông H3. Bà đề nghị Tòa án để lại di sản của bố mẹ bà cho bà H1 sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất, và bà H1 sẽ thanh toán giá trị kỷ phần của bà bằng tiền, theo kết quả định giá bà được nhận là 1/5 trị giá di sản.

Tại biên bản xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 27/3/2019 UBND xã Giao Yên cung cấp: Về nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là của cụ Mai Văn P và cụ Lưu Thị N, cụ N chết năm 2008, cụ P chết năm 2012, các cụ không để lại di chúc, các cụ có 5 người con, hiện di sản ông H2 đang quản lý, về nghĩa vụ tài Ch đối với quyền sử dụng đất là di sản được miễn nộp, về nghĩa vụ dân sự của các cụ không nợ nần đối với cá nhân và tập thể. Nay bà H1 yêu cầu chia thừa kế do chiều rộng mặt đường rộng 5,7m, vì vậy giao cho một người được sử dụng là phù hợp và có H2 quả nhất.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 27/3/2019 cụ thể như sau: Thửa đất số 362, tờ bản đồ số 8 (tại xóm 3 xã G lập năm 1997), phần đất còn lại chưa sang tên cho ai, hiện đang tranh chấp là có vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp đường quốc lộ 37B rộng 5,7m;
- Phía Nam giáp thổ ông Công rộng 5,7m;
- Phía Đông giáp thổ ông H2 dài 21m;
- Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 21m.

Có tổng diện tích là 119,7m², trên diện tích này có ngôi nhà ngói cấp 4 ba gian xây dựng năm 1980, kèo gỗ, xà gỗ tre luồng (đã hết thời gian khấu hao) với kích thước là 7,7m x 5,6m = 43,12m². Nền lát gạch, xây tường 0,22 m; cao 2,5 m cửa gỗ nhóm 5 tường quét vôi ve có bố trí hệ thống điện (Trong đó có phần diện tích nhà trên phần đất của ông H2 là 2m x 5,6m = 11,2m², phần đất còn lại là vườn không trồng cây hoa màu, trong nhà không có tài sản.

Đất có giá trị chuyển nhượng ở địa phương tại thời điểm định giá là: Trị giá đất là: $7.000.000\text{đồng}/1\text{ m}^2 \times 119,7\text{ m}^2 = 837.900.000\text{ đồng}$. Đối với các công trình xây dựng trên đất: Nhà mái ngói cấp 4 xây dựng năm 1980 trên phần đất tranh chấp có giá trị là 624.346 đồng. Diện tích nhà trên phần đất của ông H2 có giá trị là 219.068 đồng.

Các đương sự đều nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 188 Luật đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H1 chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cụ Mai Văn P (chết năm 2012) và cụ Lưu Thị N (chết năm 2008).

2. Xác định người hưởng thừa kế của cụ Mai Văn P và cụ Lưu Thị N gồm: Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, bà Mai Thị H1 và ông Mai Văn H2.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Mai Văn P và cụ Lưu Thị N gồm có: Diện tích đất là $119,7\text{ m}^2$ tại thửa số 362, tờ bản đồ số 8 lập năm 1997 thuộc xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N, có trị giá là: 837.900.000 đồng và nhà xây dựng trên thửa đất có trị giá là: 624.346 đồng.

4. Giao cho bà Mai H1 được quyền sử dụng diện tích đất là $119,7\text{ m}^2$ tại thửa số 362, tờ bản đồ số 8 lập năm 1997 thuộc xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N, có vị trí: Phía Bắc giáp đường quốc lộ 37B rộng 5,7m; Phía Nam giáp thổ ông Công rộng 5,7m; Phía Đông giáp thổ ông H2 dài 21m; Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 21m. Có trị giá là: 837.900.000 đồng, sở hữu nhà xây dựng trên thửa đất có trị giá là: 624.346 đồng và phần nằm trên đất của vợ chồng ông H2 có trị giá là: 219.068 đồng. Bà Mai Thị H1 có nghĩa vụ tháo dỡ phần nhà nằm trên đất của vợ chồng ông H2 bà C và thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B và ông Mai Văn H2, mỗi người được 1/5 giá trị di sản là: 167.700.000 đồng. Ông Mai Văn H2 có nghĩa vụ trả cho bà H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Mai Văn P được cấp năm 1997 để bà H1 chuyển quyền sử dụng đất sang tên mình theo quy định của luật đất đai (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/7/2019, ông Mai Văn H2 làm đơn kháng cáo với nội dung: Tôi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2019/ST-DS ngày 17/7/2019 của Tòa

án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Lý do kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã chia tài sản là nhà, đất hương hỏa của cha ông để lại có diện tích 119,7 m² và giao nhà đất cho bà Mai Thị H1, làm ảnh hưởng đến truyền thống gia phong của đại gia đình cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng tôi. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xem xét lại kết quả của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

Tại phiên tòa, ông H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của ông H2. Giao cho ông H2 quyền sử dụng 119,7 m² đất là di sản thừa kế của cụ P và cụ N. Buộc ông H2 phải có trách nhiệm trả cho ông H3, bà B, bà S và bà H1 trị giá di sản thừa kế mỗi người là 167.700.000 đồng.

Về án phí đương sự phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Mai Văn H2 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Mai Văn H2:

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc nhà đất tại thửa số 362, tờ bản đồ số 8 lập năm 1997, với diện tích đất là 455m² tại xóm 3 xã Giao Yến và đã được UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang tên hộ ông Mai Văn P là của bố mẹ mình. Khi còn sống năm 2007 các cụ đã cho ông Mai Văn H2 336 m² đất, còn lại 119,7 m² (theo kết quả đo đạc thực tế) và tài sản gắn liền với đất, hiện tại ông Mai Văn H2 đang quản lý di sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Lưu Thị N và cụ Mai Văn P, sinh được 5 người con gồm: Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, bà Mai Thị H1 và ông Mai Văn H2 (5 người con đều còn sống). Cụ P và cụ N chết không để lại di chúc. Bà Mai Thị H1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, các đồng thừa kế là ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B đều nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của bà H1. Riêng ông Mai Văn H2 không nhất trí chia thừa kế vì đây là đất để thờ cúng và cho là theo lời dối của cụ P lập ngày

23/8/2007 (ông H2 nộp bản phô tô), thì nội dung văn bản này không liên quan đến việc định đoạt tài sản của bố mẹ ông mà chỉ là nội dung mâu thuẫn giữa bố ông và ông H3 (ông H3 là anh trai ông H2), còn nội dung bảng kê việc chi tiêu đám tang của cụ Lưu Thị N (ông H2 nộp bản phô tô) có ghi: Bố để lại 1 thổ từ phía tây giáp ngõ đi ra trở lên bằng 5 để lại cho bố tính sau. Theo lời khai của ông Trần Duy Nhường là con rể của cụ P và cụ N, thì nội dung dòng chữ là do ông viết nhưng hôm đó là gia đình ngồi tính toán việc chi phí đám ma của cụ N, không liên quan gì tới thổ đất. Như vậy không thể xác định đây là ý chỉ định đoạt tài sản của cụ P, nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông H2. Vì vậy căn cứ Điều 612, Điều 650 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Mai Thị H1.

Về việc xác định người thừa kế và kỹ phần thừa kế: Cụ P và cụ N chết không để lại di chúc. Do vậy, di sản được chia cho 5 người con là: Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, bà Mai Thị H1 và ông Mai Văn H2, mỗi người được 1/5 giá trị di sản. Việc vợ chồng ông H2 bà C cho là sau khi cụ P chết vợ chồng ông đóng các loại thuế quỹ đối với thửa đất (di sản thừa kế) cho với Nhà nước, nhưng căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì được miễn và vợ chồng ông H2 cũng không yêu cầu gì đối với các khoản khai là đóng góp và công sức trông nom, quản lý di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Thửa đất diện tích 119,7 m² có chiều rộng mặt đường rộng 5,7m không thể chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế được.

Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế, chia di sản thừa kế theo đúng qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thực tế thửa đất có diện tích 119,7 m², trên thửa đất có ngôi nhà ba gian cấp 4, hiện nay ngôi nhà vẫn đang là nơi thờ cúng của cả gia đình. Bà Mai Thị H1, bà Mai Thị B đi lấy chồng và đã có nơi ăn ở riêng; Bà Mai Thị S đi lấy chồng và hiện đang ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Ông Mai Văn H3 đã đề nghị trong biên bản hòa giải ngày 13/12/2014 của UBND xã Giao Yến nhất trí để lại diện tích đất cho ba cô con gái và từ chối không nhận thừa kế đất. Tại phiên tòa, ông H3 đề nghị Tòa án để lại di sản của bố mẹ ông cho bà H1 sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất, và bà H1 sẽ thanh toán giá trị kỹ phần của ông bằng tiền, theo kết quả định giá ông được nhận là 1/5 trị giá di sản. Như vậy, HĐXX xác định nhu cầu về chỗ ở của những người cùng hàng thừa kế đều đã có và ổn định. Nguyên vọng của ông H2 được quản lý, sử dụng diện tích đất của bố mẹ để lại và mục đích giữ gìn làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà là Ch đáng, phù hợp với truyền thống và đạo lý, giữ gìn đoàn kết nội bộ gia đình. HĐXX, chấp nhận kháng cáo của ông H2, giao cho ông H2 quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất thừa kế của bố mẹ là 119,7 m² x 7.000.000 đồng/m² = 837.900.000 đồng và trị giá ngôi nhà là 843.000 đồng. Tổng trị giá di sản là 838.743.000 đồng. Buộc ông H2 phải có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Mai Văn H3, bà Mai Thị H2, bà Mai Thị B, bà Mai Thị S mỗi người 838.743.000 đồng/5 = 167.748.000 đồng.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Mai Văn H2 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm

Các đương sự phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng ông H3, bà B, bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 357, Điều 468, Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và Điều 273, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100 và 188 Luật đất đai; căn cứ Điều 12, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn H2, sửa bản án sơ thẩm.

2. Giao cho ông Mai Văn H2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 119,7 m² tại thửa số 362, tờ bản đồ số 8 lập năm 1997 thuộc xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N, có các chiều: Phía Bắc giáp đường quốc lộ 37B rộng 5,7m; Phía Nam giáp thổ ông Công rộng 5,7m; Phía Đông giáp thổ ông H2 dài 21m; Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 21m. Trị giá quyền sử dụng đất là 837.900.000 đồng và sở hữu nhà xây dựng trên thửa đất có trị giá là 843.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giao cho ông Mai Văn H2 là 838.743.000 (Tám trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng (có sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

3. Buộc ông Mai Văn H2 phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho: Bà Mai Thị H1, ông Mai Văn H3, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B mỗi người được 1/5 giá trị di sản là 167.748.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

4. Ông Mai Văn H2 có trách nhiệm đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất khi bản án có H2 lực pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Bà Mai Thị H1 phải nộp 8.387.000 đồng, bà H1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000245 ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giao Thủy được đối trừ. Bà H1 còn phải nộp tiếp 5.387.000 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn).

- Ông Mai Văn H2 phải nộp 8.387.000 đồng, ông H2 được trả lại số tiền 300.000 tạm ứng án phí phúc thẩm. Ông H2 còn phải nộp 8.087.000 đồng (Tám triệu không trăm tám mươi bảy nghìn).

- Ông Mai Văn H3, bà Mai Thị B, bà Mai Thị S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Kể từ ngày bản án có H2 lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có H2 lực kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H2 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Anh Tuấn
(Đã ký)